

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2021/DS-PT

Ngày: 24-02-2021

V/v tranh chấp: “Hợp đồng
chuyển nhượng và hợp đồng
thuê quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Em

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Triều

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Phúc Thẩm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 561/2020/TLPT-DS ngày 25 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng chuyển nhượng và hợp đồng thuê quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2020/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 692/2020/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966 (có mặt);

2. Bà Võ Thị H, sinh năm 1969 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Ông Lê Văn T1, sinh năm 1961 (có mặt);

2. Bà Phạm Ngọc A, sinh năm 1962 (có mặt);

3. Anh Lê Thanh P, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của Lê Thanh P: Ông Lê Văn T1, sinh năm 1961;
Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 23/02/2021)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1967 (có mặt);

2. Anh Phan Ngọc T, sinh năm 1993;

3. Anh Lê Ngọc H, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của Phan Ngọc T: Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 23/02/2021)

4. Chị Lê Thị Hồng T, sinh năm 1979;

5. Chị Lê Thị Thùy T, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của Lê Ngọc H, Lê Thị Hồng T, Lê Thị Thùy T: Ông Lê Văn T1, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 23/02/2021)

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Cao Thị B, ông Lê Văn Đ (thành viên trong hộ ông T1 tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã chết):

6. Bà Lê Thị X, sinh năm 1956 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

7. Bà Lê Thị M, sinh năm 1949 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

8. Ông Lê Văn C, sinh năm 1927 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

9. Bà Lê Thị M1, sinh năm 1941 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

10. Ông Lê Văn T2, sinh năm 1957.

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của Lê Văn T2: Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 23/02/2021)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Lê Văn T1, bà Phạm Ngọc A, anh Lê Thanh P; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Lê Thị Đ, anh Phan Ngọc T, anh Lê Ngọc H, chị Lê Thị Hồng T, chị Lê Thị Thùy T, ông Lê Văn T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Võ Thị H thống nhất trình bày:

Năm 2012, vợ chồng ông có nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn T1, bà Phạm Ngọc A và anh Lê Thanh P 1000 m² đất thuộc thửa số 896, tờ bản đồ số 1, diện tích 9.058 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1638 cấp ngày 14/01/1999 (Nay thuộc thửa số 896, tờ bản đồ số 1, diện tích 6675m² số vào sổ H00280 cấp ngày 08/11/2005) tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Phần đất do ông Lê Văn T1 đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng. Việc mua bán giữa hai bên có lập hợp đồng chuyển nhượng nhưng không có công chứng, chứng thực. Giá mua bán là 60 chỉ vàng 24k, vợ chồng ông T đã giao tiền cho vợ chồng ông T1 đầy đủ. Tuy nhiên cho đến nay, ông T1 vẫn chưa thực hiện thủ tục sang tên và giao đất nên ông T, bà H khởi kiện yêu cầu buộc ông T1 và các thành viên trong hộ ông T1 tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo các giấy mua bán đất đã ký vào các ngày 29/10/2012 và ngày 04/2/2013.

Ngoài ra, ông T khai vào ngày 29/10/2017 giữa vợ chồng ông và vợ chồng ông T1 còn ký 01 hợp đồng cho thuê lại phần đất trên với giá 1.000.000 đồng/năm. Cho đến nay, ông T1 vẫn không trả tiền thuê đất nên ngày 22/11/2019 ông T có đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung buộc vợ chồng ông T1 trả cho ông số tiền 3.000.000 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên toà sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu buộc ông T1 và các thành viên trong hộ tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng. Rút lại yêu cầu buộc vợ chồng ông T1 trả cho ông tiền thuê đất.

Bị đơn ông Lê Văn T1 và bà Phạm Ngọc A thống nhất trình bày:

Ông bà thừa nhận vào năm 2012 có bán cho vợ chồng ông T 1.000 m² đất nằm trong thửa đất số 896. Theo ông T1, bà A thì ông T1 chỉ là người đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng phần đất trên. Tại thời điểm mua bán đất, do không tìm hiểu trước nên vợ chồng ông đã tự ý bán đất cho vợ chồng ông T. Việc này đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các thành viên trong hộ gia đình nên nay ông, bà không đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng. Hiện nay do chưa giao đất cho ông T nên vợ chồng ông T1 tự nguyện hoàn trả cho vợ chồng ông T 60 chỉ vàng 24k đã nhận.

Bị đơn anh Lê Thanh P và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T2, ông Lê Văn C, bà Lê Thị M, bà Lê Thị M1, bà Lê Thị Đ, anh Lê Ngọc H, Phan Ngọc T2 có bản tự khai thống nhất trình bày:

Ông T1 là con út trong gia đình, phần đất tranh chấp là đất hương quả dùng để thờ cúng ông bà, bản thân ông T1 muốn bán phải được sự đồng ý của các anh chị em và các thành viên trong hộ gia đình. Nay ông T1 đã tự ý bán phần đất trên cho vợ chồng ông T là không đúng với nguyện vọng của các anh em và các thành viên trong hộ gia đình ông T1. Vì vậy các đương sự yêu cầu hủy hợp đồng mua bán giữa các bên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 85/2020/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định áp dụng: Điều 26, 70, 85, 147, 217, 218, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, 122, 129, 430, 431, 433, 440, 468, 502, 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 166, 167, 168, 169, 188 Luật đất đai; điểm c tiểu mục 2.3 mục 2 Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Đình chỉ xét xử vụ án đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn T về việc buộc ông Lê Văn T1, bà Phạm Ngọc A trả tiền thuê đất theo hợp đồng thuê đất ngày 29/10/2017.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Võ Thị H về việc yêu cầu ông Lê Văn T1, bà Phạm Ngọc A, anh Lê Thanh P và các thành viên trong hộ ông T1 tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng 1.000 m² đất nằm trong thửa đất số 896, tờ bản đồ số 1, diện tích 9.058 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1638 cấp ngày 14/01/1999 (Nay thuộc thửa số 896, tờ bản đồ số 1, diện tích 6675m² số vào sổ H00280 cấp ngày 08/11/2005) tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Tuyên bố các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn T, bà Võ Thị H với ông Lê Văn T1, bà Phạm Ngọc A, anh Lê Thanh P ký kết các ngày 29/10/2012 và ngày 04/2/2013 là vô hiệu.

3. Buộc ông Lê Văn T1, bà Phạm Ngọc A, anh Lê Thanh P có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T, bà Võ Thị H 60 chỉ vàng 24k và 1.303.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm lẻ ba triệu đồng) tiền chênh lệch giá trị đất tại thời điểm xét xử sơ thẩm. Trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 29/7/2020 bị đơn ông Lê Văn T1, bà Phạm Ngọc A, anh Lê Thanh P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Ngọc Tấn, anh Lê Ngọc Hùng, bà Lê Thị Đ, bà Lê Thị Hồng T, bà Lê Thị Thùy T, ông Lê Văn T1 có đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không đồng ý với mức giá đất là 1.600.000 đồng/m² của Tòa án cấp sơ thẩm đã định giá, các ông bà chỉ đồng ý mức giá 220.000 đồng/m² và đồng ý trả lại cho nguyên đơn 60 chỉ vàng 24K, không đồng ý trả bằng tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T1, bà Đ, bà A và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo ủy quyền cho ông T1 bà Đ thay đổi yêu cầu kháng cáo đồng ý thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất 1.000m² cho ông T, bà H. Ông T bà H đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông T1, bà A và bà Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tố tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì ông T1, bà A và anh P có chuyển nhượng cho ông T, bà H 1.000m² đất. Hai bên làm giấy tay ông T, bà H đã giao đủ cho ông T1, bà A, anh P 60 chỉ vàng 24k, ông T, bà H cho ông T1, bà A thuê lại. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T1, bà A và bà Đ đồng ý thực hiện hợp đồng chuyển nhượng giao cho ông T, bà H diện tích đất 997,1m² tại vị trí T2, ông T, bà H đồng ý với yêu cầu của những người kháng cáo, do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C theo hướng công nhận thỏa thuận của hai bên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1] Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của bị đơn ông Lê Văn T1, anh Lê Thanh P, bà Phạm Ngọc A, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Đ, anh Phan Ngọc T, anh Lê Ngọc H, chị Lê Thị Hồng T, chị Lê Thị Thùy T, ông Lê Văn T2 còn trong thời hạn luật định, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng chuyển nhượng và hợp đồng thuê quyền sử dụng đất” là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 29/10/2012 và ngày 04/02/2013 ông Lê Văn T1, bà Phạm Ngọc A và anh Lê Thanh P có làm giấy tay chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị H diện tích đất 1.000m² thuộc thửa 896 tờ bản đồ số 01 trong diện tích 9.058 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1638 cấp ngày 14/01/1999 (Nay thuộc thửa số 896, tờ bản đồ số 1, diện tích 6675m² số vào sổ H00280 cấp ngày 08/11/2005) tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Phần đất do ông Lê Văn T1 đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng. Giá mua bán là 60 chỉ vàng 24k, ông

T, bà H đã giao cho vợ ông T1 bà A đủ 60 chỉ vàng 24k. Nhưng ông T1, bà A không giao đất và không làm thủ tục sang tên nên ngày 29/10/2017 ông T bà H có đề vợ chồng ông T1 thuê lại phần đất trên với giá 1.000.000 đồng/năm cho đến nay. Do ông T1, bà A vẫn không trả tiền thuê đất nên ông T bà H yêu cầu hộ ông T1 giao đất và làm thủ tục sang tên. Tòa án cấp sơ thẩm xử hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T, bà H với ông T1, bà A và anh P, buộc ông T1, bà A và anh P trả lại cho ông T, bà H 60 chỉ vàng 24k và số tiền 1.303.000.000 đồng thì ông Lê Văn T1, anh Lê Thanh P, bà Phạm Ngọc A, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Ngọc T, anh Lê Ngọc H, bà Lê Thị Đ, bà Lê Thị Hồng T, bà Lê Thị Thùy T, ông Lê Văn T2 có đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Văn T1, bà Phạm Ngọc A và đại diện theo ủy quyền của anh P, anh H, chị Lê Thị Hồng T, chị Lê Thị Thùy T; bà Lê Thị Đ là đại diện theo ủy quyền của ông T2, anh T đồng ý giao đất và thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất phần đất ký hiệu là T2 tại sơ đồ đo đạc ngày 15/10/2018 có diện tích là 997,1m² cho ông T bà H và được ông T, bà H đồng ý. Xét thấy việc thỏa thuận này của các bên đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các bên.

[4] Đối với các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên các đương sự có kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không xem xét giá trị nên ông Lê Văn T1, bà Phạm Ngọc A bà Lê Thị Đ, anh Lê Thanh P, anh Phan Ngọc T, anh Lê Ngọc H, bà Lê Thị Hồng T, bà Lê Thị Thùy T, ông Lê Văn T2 liên đới chịu 300.000 đồng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 70, 85, 147, 217, 218, 227, 228, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117, 122, 129, 430, 431, 433, 440, 468, 502, 688 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 166, 167, 168, 169, 188 Luật đất đai;

Căn cứ điểm c tiểu mục 2.3 mục 2 Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn T1, bà Phạm Ngọc A và Lê Thị Đ, anh Lê Thanh P, anh Phan Ngọc T, anh Lê Ngọc H, bà Lê Thị Hồng T, bà Lê Thị Thùy T, ông Lê Văn T2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 85/2020/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc buộc ông Lê Văn T1, bà Phạm Ngọc A trả tiền thuê đất theo hợp đồng thuê đất ngày 29/10/2017.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Võ Thị H.

Ghi nhận hộ ông Lê Văn T1 gồm ông Lê Văn T1, bà Phạm Ngọc A, anh Lê Thanh P, bà Lê Thị Đ, anh Phan Ngọc T, anh Lê Ngọc H, bà Lê Thị Hồng T, bà Lê Thị Thùy T, ông Lê Văn T2 đồng ý giao và làm thủ tục sang tên cho ông Nguyễn Văn T, bà Võ Thị H diện tích 997,1m² (ký hiệu T2 theo sơ đồ đo đạc ngày 15/10/2018) đất nằm trong thửa đất số 896, tờ bản đồ số 1, diện tích 9.058 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1638 cấp ngày 14/01/1999 (Nay thuộc thửa số 896, tờ bản đồ số 1, diện tích 6675m² số vào sổ H00280 cấp ngày 08/11/2005) tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang có tứ cận như sau:

- + Hướng Đông giáp Lê Văn Thuận và Lê Văn Thảo;
- + Hướng Tây giáp đường bê tông;
- + Hướng Bắc giáp phần đất còn lại của thửa 896;
- + Hướng Nam giáp phần đất còn lại của thửa 896.

(Có sơ đồ đo đạc ngày 15/10/2018 kèm theo)

Thời gian nhận đất và làm thủ tục sang tên khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí: Ông Lê Văn T1, bà Phạm Ngọc A, anh Lê Thanh P phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0003841 ngày 29/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, nên xem như đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Bà Lê Thị Đ, anh Phan Ngọc T, anh Lê Ngọc H, bà Lê Thị Hồng T, bà Lê Thị Thùy T, ông Lê Văn T2 phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0003840 ngày 29/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, nên xem như đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Ông Lê Văn T1, bà Phạm Ngọc A, anh Lê Thanh P, bà Lê Thị Đ, anh Phan Ngọc T, anh Lê Ngọc H, bà Lê Thị Hồng T, bà Lê Thị Thùy T, ông Lê Văn T2 liên đới chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T1ận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Em